TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Lắm.

Ông Dư Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoài H, sinh năm 1978 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 13, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp 12, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-7-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Hoài H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoài H và chị Nguyễn Thu T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi làm xa, chị T ở nhà không chăm lo cho gia đình và các con mà thường xuyên uống rượu dẫn đến phát sinh cự cãi nhau. Mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh H yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có 03 con chung tên Lê Kim N (nữ), sinh ngày 09-02-2002, Lê Khánh D (nam), sinh ngày 13-9-2005 và Lê Trọng N

(nam), sinh ngày 02-9-2010; anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con; không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng chị T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại văn bản ngày 05-9-2018, thể hiện: Nguyện vọng các con chung Lê Kim N, Lê Khánh D và Lê Trọng N đều mong muốn được sống với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoài H và chị Nguyễn Thu T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999. Tuy anh H và T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Kim N, Lê Khánh D và Lê Trọng N; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không có văn bản ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con. Tại văn bản ghi ý kiến các con chung thể hiện: Tất cả các con chung đều có nguyện vọng sống cùng với anh H. Tại phiên tòa, anh H khẳng định hiện nay anh có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Trên cơ sở xem xét ý chí, nguyện vọng của các con chung và điều kiện nuôi con của anh H nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh H. Giao các con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị T không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Anh Lê Hoài H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh H, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lê Hoài H và chị Nguyễn Thu T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Kim N (nữ), sinh ngày 09-02-2002, Lê Khánh D (nam), sinh ngày 13-9-2005 và Lê Trọng N (nam), sinh ngày 02-9-2010 cho anh Lê Hoài H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thu T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Hoài H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Hoài H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 27 tháng 7 năm 2018, anh H đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0012121 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Lê Hoài H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út